

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ninh Cường,
huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ văn bản số 79/UBND-VP5 ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ninh Cường, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000);

Xét văn bản thẩm định số 148/SXD-QH ngày 20/12/2023 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000);

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Trực Ninh tại Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 08/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000), với nội dung sau:

I. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng (QH - 01).
2. Bản đồ hiện trạng các chức năng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (QH - 02).
3. Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QH - 03).
4. Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng (QH - 04).
5. Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (QH - 05).
6. Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị (QH-06).
7. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2030 (QH - 07).
8. Bản vẽ thiết kế đô thị (QH - 08).
9. Bản đồ Quy hoạch Giao thông (QH - 09).
10. Bản đồ Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH - 10).
11. Bản đồ quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang (QH - 11).
12. Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH - 12).
13. Bản đồ quy hoạch hệ thống điện, cung cấp năng lượng và hạ tầng viễn thông thụ động (QH - 13).

II. MỤC TIÊU, TÍNH CHẤT VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000).
2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch
 - Phạm vi: Toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Ninh Cường với tổng diện tích là 741,73 ha.
 - Ranh giới:
 - + Phía Bắc giáp xã Trực Thuận qua sông Ninh Cơ.
 - + Phía Đông giáp xã Trực Cường.
 - + Phía Nam giáp huyện Hải Hậu.
 - + Phía Tây giáp xã Trực Hùng.
3. Mục tiêu

- Xây dựng, phát triển thị trấn Ninh Cường xứng đáng với vị thế là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện Trực Ninh, hình thành và tương xứng với vị thế cực tăng trưởng phía Đông Nam tỉnh. Xây dựng phát triển thị trấn Ninh Cường văn minh, thân thiện, với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại gắn với tiềm năng về phát triển kinh tế biển, dịch vụ thương mại.

- Kết hợp với việc đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông trọng điểm cấp tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội thị trấn, điểm nhấn trong chuỗi đô thị tỉnh Nam Định.

- Trở thành đô thị văn minh, hiện đại, đáng sống theo hướng đô thị xanh.

4. Tính chất

- Thị trấn Ninh Cường thuộc vùng vành đai - vùng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, làng nghề - trong các vùng phát triển kinh tế của tỉnh Nam Định, đảm bảo vai trò và vị trí là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện.

- Là khu vực đô thị văn minh, hiện đại dựa trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

5. Động lực phát triển đô thị

- Thị trấn Ninh Cường nằm trên hành lang kinh tế Đông Nam tỉnh, thuộc vùng vành đai - vùng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, làng nghề - trong các vùng phát triển kinh tế của tỉnh Nam Định. Đồng thời là một trong các trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện Trực Ninh, có vị trí dọc theo QL37B, kết nối với thị trấn Liễu Đề (Nghĩa Hưng) qua sông Ninh Cơ, do đó trong định hướng đầu tư phát triển của huyện, thị trấn Ninh Cường được ưu tiên phát triển, đầu tư xây dựng.

- Trong tương lai gần sẽ đầu tư xây dựng cầu Ninh Cường thay thế cho cầu phao Ninh Cường, bên cạnh đó, có trục huyện lộ Hùng Thắng kết nối khu vực các xã phía Nam của huyện Trực Ninh sẽ là một lợi thế mới thúc đẩy phát triển cho thị trấn và khu vực.

III. CHỈ TIÊU KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Quy mô

- Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2030 là 11.000 người.

- Dự báo lao động xã hội:

+ Tỷ lệ lao động hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm 86%.

+ Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp chiếm 14%.

- Quy mô đất đai: Toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Ninh Cường là 741,73 ha.

2. Dự báo chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đối với đô thị loại V.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ, THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

1. Định hướng phát triển đô thị

Thị trấn Ninh Cường trong tương lai sẽ phát triển mở rộng về phía Nam, kết nối từ khu vực trung tâm đô thị hiện hữu đến khu vực đường huyện lộ Hùng Thắng.

2. Phân khu vực phát triển

Định hướng phát triển thị trấn Ninh Cường chia làm 3 phân khu chức năng phát triển, cụ thể như sau:

Bảng quy hoạch phân khu vực chức năng đô thị

TT	Tên phân khu	Tính chất	Diện tích (ha)	Dân số (người)
1	Khu vực 1 - Khu vực phía Bắc thị trấn (từ phía Bắc sông Sê đến sông Ninh Cơ)	Khu vực trung tâm hành chính, công cộng và đô thị	249,13	6.600
2	Khu vực 2 - Khu vực Trung tâm thị trấn (từ phía Nam sông Sê đến phía Bắc TDP Trung Thành)	Khu vực trung tâm công cộng, phát triển đô thị và dịch vụ thương mại	106,5	3.000
3	Khu vực 3 - Khu vực phía Nam thị trấn (từ TDP Trung Thành đến huyện lộ Hùng Thắng)	Khu vực phát triển đô thị và nông nghiệp	386,1	1.400
Tổng			741,73	11.000

3. Phân vùng kiến trúc cảnh quan

Không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn thị trấn được phân chia thành 03 vùng chính: (1) Vùng đô thị trung tâm, (2) Vùng lõi xanh, (3) Vùng cảnh quan tự nhiên.

4. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính

4.1. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

4.1.1. Các khu vực trung tâm

Định hướng tiếp tục khai thác các công trình đã được đầu tư xây dựng tương đối hoàn chỉnh, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ, thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với công trình xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

Đối với khu vực định hướng phát triển mới tại phía Nam và phía Bắc thị trấn trong các bước nghiên cứu thiết kế tiếp theo cần tạo cho khu vực này có không gian kiến trúc đặc trưng, đa dạng và có ý nghĩa văn hoá thông qua bố cục các tổ hợp và kiểu mẫu kiến trúc công trình.

4.1.2. Các trục chủ đạo

- Trục cảnh quan dọc trục QL37B và đường trục mới thị trấn: Kiến trúc cảnh quan theo trục gồm có không gian các khu vực trung tâm hành chính - chính trị, các khu đô thị, khu dịch vụ thương mại và các công trình công cộng. Chú trọng việc thiết kế, triển khai các dự án thiết kế đô thị hai bên tuyến đường bằng hệ thống đèn led, panô, biểu ngữ, hệ thống ghế đá, bồn hoa trang trí tại phía giáp sông, hệ thống công trình thể dục thể thao có quy mô,... vừa tạo điểm nhấn trang trí cho khu vực, thu hút sự chú ý của người dân đồng thời phục vụ mục đích tuyên truyền, quảng bá hình ảnh thị trấn.

- Trục cảnh quan dọc tuyến đường hai bên sông Trục: Kiến trúc cảnh quan theo trục gồm có các trung tâm lớn của thị trấn như: Khu dân cư, khu thương mại dịch vụ. Thiết kế cảnh quan đô thị hai bên trục đường kết hợp với tổ chức giao thông khu vực theo hướng hiện đại, thu hút sự chú ý, đảm bảo an toàn giao thông.

4.1.3. Các khu vực cửa ngõ

Hình thành 3 khu vực cửa ngõ chính của đô thị:

- Cửa ngõ phía Tây Bắc: Nằm trên QL37B, kết nối với TT.Liễu Đề (huyện Nghĩa Hưng) qua cầu Ninh Cường

- Cửa ngõ phía Đông Bắc: Nằm trên tuyến QL37B, kết nối đi thị trấn Yên Định (huyện Hải Hậu).

- Cửa ngõ phía Nam: khu vực tiếp giáp với xã Hải An (huyện Hải Hậu).

4.1.4. Các điểm nhấn chính

Các khu vực cần được quan tâm trong quá trình đầu tư, phát triển, đặc biệt là chú trọng trong các giải pháp quy hoạch kiến trúc cảnh quan và bố cục bố trí công trình để tạo điểm nhấn không gian chính của khu vực quy hoạch bao gồm: Trung tâm hành chính, công cộng cấp thị trấn; các trục cảnh quan đô thị. Không gian khu vực cửa ngõ; trung tâm của các khu đô thị khu vực, khu dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí tổng hợp tập trung.

4.1.5. Tổ chức bố trí cây xanh đô thị tập trung

- Tổ chức bố trí trồng cây xanh dọc theo các tuyến giao thông đô thị, tăng mỹ quan đồng thời cải tạo môi trường giao thông đô thị.

- Bố trí các tuyến cây xanh dọc hệ thống sông, kênh, tạo thành hệ thống cây xanh liên hoàn vừa điều hoà môi trường và tạo cảnh quan đặc trưng.

4.2. Định hướng không gian chiều cao

Chiều cao xây dựng các công trình tuân thủ theo quy chuẩn về quy hoạch xây dựng. Các khu vực đô thị được xây dựng với nhiều loại mô hình nhà ở khác nhau cần bố trí bố cục hợp lý để tạo diện mạo cho đô thị và đặc trưng cho từng khu vực; bố trí công trình theo hướng mở, tránh tình trạng manh mún và bố trí cản tầm nhìn. Xác định chiều cao xây dựng hệ thống các công trình dựa trên nguyên tắc kết hợp theo diện, tuyến, điểm, hiện trạng khu vực và quy hoạch sử dụng đất. Quy định cụ thể về tầng cao công trình theo hồ sơ được phê duyệt.

V. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Bảng thống kê sử dụng đất đến năm 2030

TT	Loại đất	Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	KHU ĐẤT DÂN DỤNG		
1	Đất nhóm nhà ở	112,13	15,11
	- Đất làng xóm	55,63	
	- Đất ở mới	56,50	
2	Đất giáo dục	5,26	0,70
3	Đất dịch vụ - công cộng	4,3	0,57
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,47	0,06
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	23,57	3,17
6	Đất giao thông đô thị	30,61	4,12
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	11,89	1,60
II	KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	39,0	5,25
2	Đất trung tâm giáo dục đào tạo, nghiên cứu	0,00	0,00
3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	0,00	0,00
4	Đất dịch vụ, du lịch	21,67	2,92
5	Đất trung tâm y tế	1,25	0,16
6	Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	5,79	0,78
7	Đất di tích, tôn giáo	12,82	1,72
8	Đất an ninh	0,18	0,02
9	Đất quốc phòng	0,00	0,00
10	Đất hỗn hợp	25,55	3,44
11	Đất giao thông đối ngoại	67,96	9,16
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	2,71	0,36
III	KHU ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC		
1	Đất sản xuất nông nghiệp	197,09	26,57
2	Đất dự trữ phát triển	48,28	6,50
3	Đất sông suối, mặt nước	70,52	9,50
4	Đất chưa sử dụng	0,68	0,09
TỔNG		741,73	100

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

1.1. Giao thông đối ngoại

- Đường QL37B: Quy hoạch mở rộng toàn tuyến đạt quy mô mặt cắt ngang rộng 17m.

Định hướng quy hoạch tuyến đường dẫn cầu Ninh Cường, kết nối từ cầu Ninh Cường trên địa bàn xã Trục Hùng, kết nối vào QL37B tại khu vực tổ dân phố Tân Ninh với quy mô mặt cắt ngang rộng 17m.

- Đường huyện lộ Hùng Thắng: Quy hoạch mở rộng toàn tuyến đạt quy mô mặt cắt ngang rộng 13,5m.

- Đường huyện lộ Nam Sông Sẻ: Quy hoạch nâng cấp tuyến đường phía Nam sông Sẻ thành huyện lộ Nam sông Sẻ, quy mô mặt cắt ngang rộng 13,5 m.

1.2. Giao thông đối nội

1.2.1. Các đường trục chính đô thị

- Quy hoạch mới tuyến đường trục thị trấn theo hướng Bắc - Nam, kết nối từ QL37B (đoạn qua nhà văn hóa Đạo Đường) đến khu vực nhà văn hóa tổ dân phố Trung Thành, quy mô mặt cắt ngang rộng 22m.

- Quy hoạch mở rộng toàn tuyến đường hai bên sông Trục từ khu vực Nam sông Sẻ đến huyện lộ Hùng Thắng. Trong đó:

+ Đường Tây sông Trục quy mô mặt cắt ngang rộng 14m.

+ Đường Đông sông Trục quy mô mặt cắt ngang rộng 13,5m.

- Quy hoạch mới tuyến đường đôi kết nối từ đường trục mới thị trấn vào khu liên hợp thể thao thị trấn tại khu vực tổ dân phố Tây Lương Bình, quy mô mặt cắt ngang rộng 28m.

- Quy hoạch nắn chỉnh tuyến sông Dòng và quy hoạch tuyến đường hai bên sông tại khu vực TDP Bắc Tung Nam với quy mô mặt cắt ngang mỗi bên rộng 13,5 m.

- Quy hoạch tuyến đường hai bên sông Dòng tại khu vực TDP Minh Nghĩa với quy mô mặt cắt ngang mỗi bên rộng 11,5m.

- Quy hoạch mới tuyến đường dọc từ nhà thờ Trung Thành đến hết TDP Tây Đường, quy mô mặt cắt ngang rộng 13,5 m.

- Quy hoạch mở rộng toàn tuyến dọc phía Đông thị trấn (giáp xã Trục Cường) từ khu vực sông Dòng đến huyện lộ Hùng Thắng đạt quy mô mặt cắt ngang rộng 11,5 m.

- Quy hoạch mở rộng toàn tuyến dọc phía Tây thị trấn (giáp xã Trục Hùng) từ khu vực Nam sông Sẻ đến huyện lộ Hùng Thắng, quy mô mặt cắt ngang rộng 13,5 m.

1.2.2. Đường phân khu vực và đường nội đô thị: Quy hoạch mới các tuyến đường khu vực và phân khu vực gồm các liên kết các trung tâm đô thị, liên hệ trực tiếp với các trục QL37B, huyện lộ Nam Sông Sẻ, huyện lộ Hùng Thắng, mặt cắt ngang rộng từ 11,5÷13,5m.

- Các tuyến đường nội bộ được cải tạo, nâng cấp mở rộng quy mô mặt cắt ngang rộng từ 5,5÷7,5m.

Đối với trục giao thông giáp sông, kênh, cần có giải pháp ở phía lề giáp sông, kênh để đảm bảo an toàn giao thông và tạo cảnh quan như: Lắp hộ lan, tôn lượn sóng,...

1.3. Các công trình đầu mối giao thông

- Xây dựng cầu qua sông Sẻ trên tuyến đường trục thị trấn quy hoạch mới.
- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo một số cầu dân sinh tại các tổ dân phố để đáp ứng nhu cầu giao thông của người dân phục vụ mục tiêu công nghiệp hoá nông nghiệp, hiện đại hoá hạ tầng đô thị.

1.4. Giao thông công cộng, giao thông tĩnh

- Tiếp tục duy trì các tuyến bus hiện tại chạy qua khu vực. Phát triển phương tiện giao thông công cộng với các loại hình xe khách, xe taxi.
- Quy hoạch xây dựng bến xe trung tâm thị trấn tại khu vực phía Tây đền Quốc mẫu Ninh Cường. Bến xe thị trấn cũ quy hoạch chuyển đổi thành đất thương mại dịch vụ sau khi xây dựng bến xe mới.

1.5. Giao thông đường thuỷ

Thực hiện nạo vét luồng, duy trì cấp sông đối với sông Ninh Cơ.

2. Định hướng san nền, thoát nước mưa

2.1. San nền

- Đối với khu trung tâm thị trấn cũ cải tạo cục bộ nền khi xây dựng công trình mới và cải tạo công trình cũ, nền công trình đảm bảo hài hoà với cao độ nền xung quanh và không được ảnh hưởng tới thoát nước chung của khu vực.

- Đối với khu vực dân cư hiện có chỉ san lấp cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, vườn tược giữ nguyên nền hiện trạng.

- Cao độ nền xây dựng đối với các khu vực quy hoạch mới được xác định đảm bảo cao độ không chế phù hợp với điều kiện hiện trạng, đảm bảo độ dốc nền tối thiểu $\geq 0,02\%$. Theo đó lựa chọn cao độ nền thiết kế dựa trên cao độ nền hiện trạng QL37B. Cao độ san nền hoàn thiện thấp nhất: +2,0m. Cao độ san nền hoàn thiện cao nhất: +3,5m.

2.2. Thoát nước mưa

- Đối với khu vực dân cư cũ: Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống công chung được đặt trên vỉa hè dọc các trục đường chính. Những đoạn đường có dân hai bên đường thì nước được thoát trực tiếp vào hệ thống cống, những đoạn đường hai bên là ruộng, nước được thoát trực tiếp vào hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đối với các khu chức năng xây dựng mới: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Toàn bộ thị trấn được phân chia thành 3 lưu vực thoát nước. Đường phân lưu thoát nước là sông Sẻ và sông Trục

+ Lưu vực 1: Thoát nước cho khu vực phía Bắc sông Sẻ. Nước mưa tại lưu vực được dẫn ra sông Sẻ và sông Trục, sau đó thoát ra sông Hùng Thắng.

+ Lưu vực 2: Thoát nước cho khu vực phía Tây sông Trục. Nước mưa tại lưu vực được thoát dẫn sông Trục, sau đó thoát ra sông Hùng Thắng.

+ Lưu vực 3: Thoát nước cho toàn bộ khu vực phía Đông sông Trục. Nước mưa tại lưu vực được dẫn ra sông Trục, sau đó thoát ra sông Hùng Thắng.

3. Hệ thống thuỷ lợi

- Đê và công dưới đê: Thực hiện thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, cải tạo tuyến đê sông Ninh Cơ để đảm bảo an toàn trong mọi điều kiện thời tiết. Củng cố hệ thống kè mỏ giữ bãi ở khu vực xung yếu.

- Tiếp tục nâng cấp cải tạo hệ thống kênh mương cấp II, cấp III.

- Xây mới, cải tạo hệ thống công, đập đáp ứng nhu cầu sản xuất.

4. Cấp nước

- Nguồn nước cấp cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn thị trấn được lấy từ nhà máy nước trên địa bàn thị trấn.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đến năm 2030 lấy bằng 120l/ng.ngđ; Tổng nhu cầu dùng nước trên địa bàn thị trấn đến năm 2030 là 2.328m³/ng.đ

5. Cấp điện

- Nhu cầu công suất điện: Điện sinh hoạt: 500W/người trên cơ sở thực tế nhu cầu sử dụng điện hiện nay; Điện công trình công cộng: 30% điện sinh hoạt; Điện công nghiệp: 200 kW/ha.

- Nguồn cấp điện cho thị trấn Ninh Cường được lấy từ trạm Trục Ninh (E3.20), Trục Đại (E3.18) đặt tại xã Trục Thái. Trong tương lai để đảm bảo cấp điện cho thị trấn và các vùng phụ tải, định hướng nâng công suất trạm 110kV Trục Đại lên (2x63)MVA-110/35/22kV.

6. Quy hoạch hệ thống thông tin và truyền thông

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại. Nâng cấp và xây dựng mới điểm bưu điện văn hoá, bưu cục phát triển mới các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính đa dịch vụ.

- Thực hiện ngầm hoá các tuyến mạng ngoại vi dọc tuyến đường QL37B đoạn qua thị trấn và xây dựng cơ sở hạ tầng ngầm mới tại khu dân cư mới, các tuyến phố mới.

7. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

7.1. Thoát nước thải

7.1.1. Phương án thoát nước thải:

- Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải qua hệ thống công đặt trên vỉa hè dọc theo các trục đường chính, sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn về môi trường được dẫn thoát ra sông Múc.

- Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của đô án này.

- Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước riêng dẫn nước thải về trạm xử lý.

- Đối với các khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng nhà máy. Nước thải sau khi được xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi dẫn ra hệ thống thoát nước chung.

7.1.2. Lưu vực thoát nước thải sinh hoạt – Hệ thống công thoát nước thải

Định hướng chia thành 03 lưu vực thoát nước thải tương ứng với 03 lưu vực thoát nước mưa. Nước thải tại từng lưu vực được bơm, dẫn về trạm xử lý chung của thị trấn để xử lý.

Mỗi lưu vực quy hoạch 1 tuyến công thoát nước thải chính. Các tuyến công chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông.

7.1.3. Lưu lượng thoát nước thải

Tổng lưu lượng nước thải tại thị trấn dự kiến là $2.328 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$

Lưu lượng nước thải tính sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp. Lưu lượng nước thải công nghiệp, dịch vụ, công cộng tính bằng 80% lượng nước cấp.

7.1.4. Trạm bơm nước thải và trạm xử lý nước thải

- Quy hoạch 02 hồ bơm nước thải chuyển tiếp tại 2 vị trí:

+ Vị trí 1: Bắc sông Sẻ (khu vực TDP Tây Lương Bình)

+ Vị trí 2: Bắc sông Hùng Thắng (khu vực TDP Nam Bắc Đường)

Các hồ bơm nước thải sử dụng máy bơm thả chìm đặt kết hợp trong giếng kín của hệ thống thu nước thải để bơm nước thải dẫn sang trạm xử lý nước thải chung.

- Quy hoạch 01 khu đất hạ tầng kỹ thuật để xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, với công suất $2.500 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$. Vị trí trạm xử lý đặt tại phía Đông Nam thị trấn (giáp xã Trục Cường).

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14:2008/BTNMT sẽ được dẫn thoát ra sông Hùng Thắng.

7.2. Vệ sinh môi trường

7.2.1. Chất thải rắn (CTR)

- Tiêu chuẩn CTR sinh hoạt: 0,8 (kg/người-ngày), tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 100%.

- Tiêu chuẩn CTR dịch vụ, công cộng: 15% CTR sinh hoạt.

- Tiêu chuẩn CTR công nghiệp (dự kiến): 0,3 tấn/ha.

+ CTR sinh hoạt được thu gom, sau đó được chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, thực hiện phân loại và xử lý. Bố trí các điểm trung chuyển, thu gom chất thải rắn không có định kết hợp trong các khu cây xanh tập trung (vị trí cụ thể của các điểm trung chuyển sẽ được nghiên cứu thực hiện tại các bước tiếp

theo). Hai bãi rác thị trấn đã đầy, quy hoạch mở rộng 2 điểm xử lý chất thải rắn của thị trấn và chuyển đổi công nghệ từ chôn lấp như hiện tại sang công nghệ lò đốt hiện đại để đảm bảo vệ sinh môi trường. Khi có khu xử lý rác thải sinh hoạt liên vùng, liên huyện sẽ thực hiện thu gom, vận chuyển tới khu xử lý tập trung liên vùng, liên huyện để xử lý.

- CTR y tế được thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý hoặc chuyển khu xử lý CTR liên huyện, liên vùng để xử lý (đối với CTR y tế thông thường) và đến Trung tâm y tế huyện (đối với CTR y tế nguy hại).

- CTR công nghiệp cần phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu các phế liệu để tái chế, nhằm làm giảm khối lượng CTR cần vận chuyển và xử lý. CTR công nghiệp không nguy hại được chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý, CTR công nghiệp nguy hại phát sinh tại cơ sở sản xuất phải được chủ nguồn thải thuê đơn vị có chức năng xử lý.

7.2.2. Nghĩa trang

- Quy hoạch chuyển đổi 3,7 ha diện tích đất nghĩa trang nhân dân Ninh Cường thành khu công viên cây xanh.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân Bắc Hà về phía Tây.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân Tây Đường về phía Đông Bắc.

- Trồng dải cây xanh cách ly đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với các khu nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thị trấn.

VII. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Đánh giá môi trường chiến lược nhằm bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên môi trường. Kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển; xử lý các cơ sở gây ô nhiễm, xử lý triệt để chất thải rắn, lỏng, khí. Đảm bảo chất lượng không khí trong lành; phục hồi môi trường nước các dòng sông ô nhiễm, cải thiện chất lượng nguồn nước.

- Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, bảo vệ và giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại các khu vực sản xuất công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ thương mại, các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở y tế, khu dân cư. Nâng cao khả năng phòng tránh và giảm thiểu tai biến môi trường, hạn chế thiên tai, ngập lụt.

- Khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan môi trường, đặc biệt là tài nguyên đất, tài nguyên nước.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức về phòng ngừa ô nhiễm môi trường của các tầng lớp nhân dân.

VIII. CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Xây dựng tuyến đường trực thị trấn đi qua khu vực quy hoạch khu dân cư mới và khu công viên cây xanh - thể dục thể thao mới và cầu qua sông Sẻ trên tuyến đường trực mới.

- Xây dựng 02 trục đường hai bên sông Trục
- Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống các trục giao thông liên khu vực, trục giao thông khu vực chính, cụ thể:
 - + Đầu tư xây dựng, nâng cấp một số trục đường phân khu vực.
 - + Xây dựng hạ tầng cơ sở và các khu dịch vụ thương mại tại khu vực chợ Ninh Cường và bến xe thị trấn.
 - + Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.
 - + Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội: Khu dân cư tập trung tại tổ dân phố Tây Lương Bình,...; xây dựng mở rộng các cơ sở giáo dục; khu công viên cây xanh, khu liên hợp thể thao thị trấn,...

2. Nguồn lực thực hiện

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế: Vốn ngân sách Nhà nước; huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; nguồn vốn ODA và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; các nguồn vốn hợp pháp khác.

IX. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ninh Cường, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000)" kèm theo đồ án này.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Trục Ninh

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch phân khu được duyệt triển khai việc lập quy hoạch chi tiết các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Trục Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Lan Anh